

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09 – 9 – 2020
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Văn Sol

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2020/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Tuyết Th, sinh năm 1984(Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24.4.2020 và các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa chị Nguyễn Tuyết Th (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh L kết hôn ngày 15 tháng 7 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, không thể tiếp tục chung sống nên đã sống ly thân. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có con chung là Nguyễn Trọng Kh, sinh ngày 26.6.2012, hiện cháu Kh đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Kh và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị xác định trong thời gian chung sống chị và anh L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả chung: Chị xác định trong thời gian chung sống chị và anh L không có nợ ai, cũng không ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Hoàng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập anh L hợp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có bất cứ văn bản nào có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị Th có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị Th đã được Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện C tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, anh L vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh L.

Tranh chấp giữa chị Th và anh L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh L có địa chỉ cư trú tại ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị Th và anh L kết hôn ngày 15 tháng 7 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét chị Th có yêu cầu ly hôn với anh L; anh L không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị Th. Theo chị Th vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng không có khả năng hàn gắn, đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, được gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Từ đó, cho thấy hôn nhân chị Th và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Th là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Th được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị Th và anh L có con chung là Nguyễn Trọng Kh, sinh ngày 26.6.2012, hiện đang sống với chị Th. Phía anh L không có ý kiến yêu cầu nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Th có đầy đủ điều kiện nuôi dạy và đang nuôi dưỡng con chung đã ổn định, đồng thời tại biên bản làm việc ngày 08.9.2020 tại Tòa án cháu Nguyễn Trọng Kh có nguyện vọng được sống với chị Th. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cháu Nguyễn Trọng Kh cho chị Th nuôi dạy là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Phía anh L không có ý kiến yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị Th và anh L có phát sinh tranh chấp thì đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Buộc chị Th phải chịu số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ Luật tổ tụng dân sự;

Các điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Tuyết Th được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng Kh, sinh ngày 26.6.2012 cho chị Nguyễn Tuyết Th tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ, giáo dục đến tuổi thành niên. Anh Nguyễn Hoàng L không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Hoàng L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Tuyết Th phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005266 ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị Th đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Tuyết Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hoàng L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Hằng